TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:74/2019/HNGĐ-ST Ngày 20-11-2019 Về việc:Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

Bà Lê Thị Quỳnh Nga.

- Thư ký phiên tòa:Bà Lê Thị Hoài Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thị Thu Hà– Kiểm sát viên.

Ngày 20tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số275/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số89/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2019/QDST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích H, sinh năm: 1979(có mặt).

Địa chỉ: Số xx đường N, tổ 6, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số xx, khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Bích H trình bày:

Sau khoảng 03 năm tìm hiểu, bà Trần Thị Bích H và ông Nguyễn Tấn P đồng ý tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyển số 01/2000 ngày 16-10-2000. Sau khi kết hôn ông P, bà H về sinh sống tại phường L, thành phố B, cuộc sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2018 đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông P không quan tâm lo lắng cho gia đình dẫn đến vợ chồng gây gỗ với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Tháng 5-2019 ông P bỏ về phường P, thành phố B sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian này vợ chồng không tìm cách hàn gắn tình cảm mà bỏ mặc cho mâu thuẫn đến đâu thì đến. Cuộc sống hôn nhân giữa bà H với ông P không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Phương Q1, sinh ngày 16-12-2000 (đã trưởng thành) và cháu Nguyễn Trần Phương Q2, sinh ngày 09-10-2014. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Q2 và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản lấy lời khai bị đơn ông Nguyễn Tấn P trình bày:

Về quá trình chung sống và đăng ký kết hôn đúng như bà H trình bày. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không đồng cảm với nhau nên thường xuyên gây gỗ với nhau và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Ông P đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H nhưng không đến Tòa làm thủ tục thuận tình ly hôn mà yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung: Có 02 con chung con là cháu Nguyễn Trần Phương Q1, sinh ngày 16-12-2000 và cháu Nguyễn Trần Phương Q2, sinh ngày 09-10-2014. Ông P đồng ý giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và ông P không cấp dưỡng nuôi con.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phương về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với ông P. Giao cháu Q2 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện bà H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông Phương được xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Ông P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà H về việc xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với ông P, thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B cấp giấy chứng nhận kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông P, bà H thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Hyêu cầu được ly hôn với ông P và ông P cũng đồng ý. Xét thấy, vợ chồng có một thời gian dài sống ly thân, nhưng không hàn gắn được cho thấy mâu thuẫn là có thật, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[2.2] Về con chung:Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Phương Q1, sinh ngày 16-12-2000 và cháu Nguyễn Trần Phương Q2, sinh ngày 09-10-2014. Hiện nay cháu Q1 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q2 và ông P cũng đồng ý nên giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc bà Hkhông yêu cầu ông P cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết, nếu có tranh chấp được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Bà H là nguyên đơn nên phải chịutoàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Vềquyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35,39,228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình vàNghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy banThường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích H về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với ông Nguyễn Tấn P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bích H được ly hôn vớiông Nguyễn Tấn P.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Phương Q2, sinh ngày 09-10-2014 cho bà Trần Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Bích H về việc không yêu cầu ông Nguyễn Tấn P cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Bích H phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0008780ngày 15-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. "Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- UBND phường L, thành phố B;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Hoàng Đức